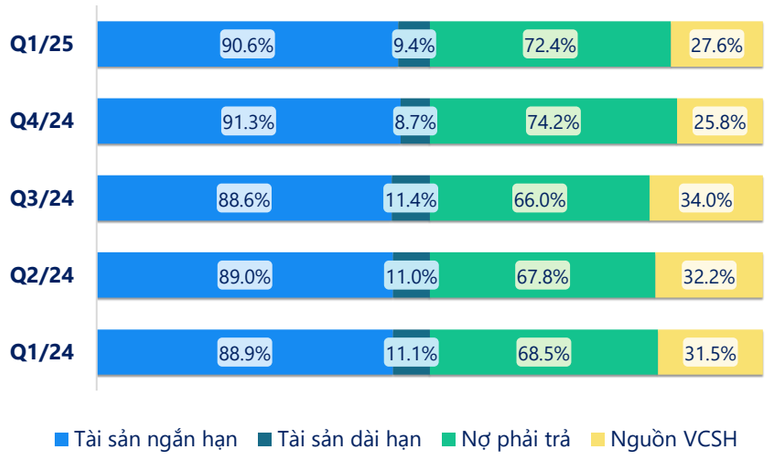
FireAnt

# CTCP Xây dựng số 12 (HNX: V12)

| Thông tin giao dịch | 31/03/2025 |
|---|---|
| Giá hiện tại (VNĐ) | 12,600 |
| Cao nhất 52 tuần (VNĐ) | 14,100 |
| Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) | 10,800 |
| SL cổ phiếu LH | 11,636,000 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 545 |
| % sở hữu nước ngoài | 0.0% |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ) | |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 147 |
| P/E | 16.4 |
| EPS | 766 |

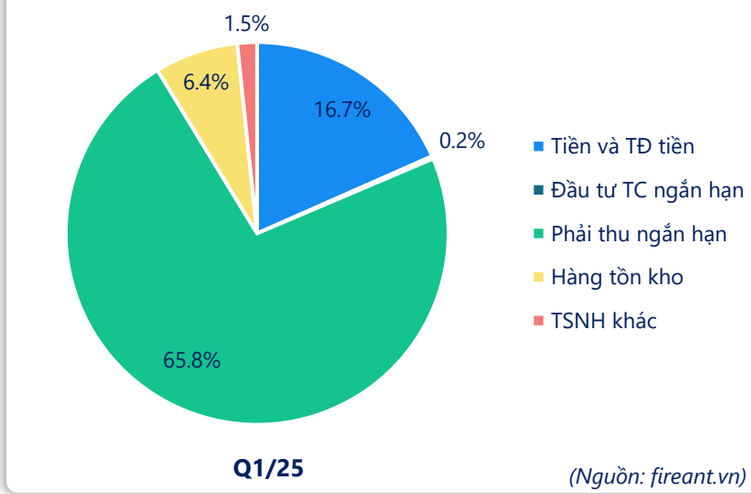
| | YTD | 1T | 3T | 6T |
|---|---|---|---|---|
| V12 | 3.3% | -3.8% | 3.3% | 1.6% |
| VNINDEX | 2.9% | -0.4% | 2.7% | 1.1% |

## Cơ cấu Tổng tài sản



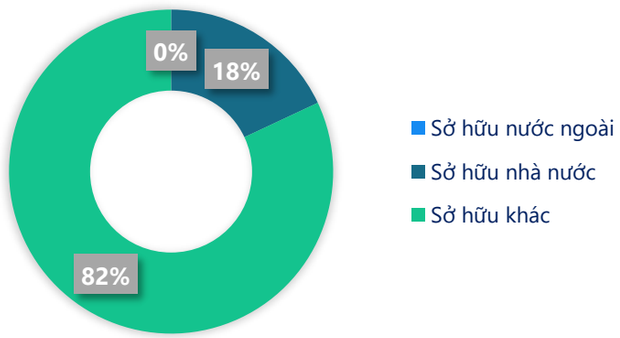

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



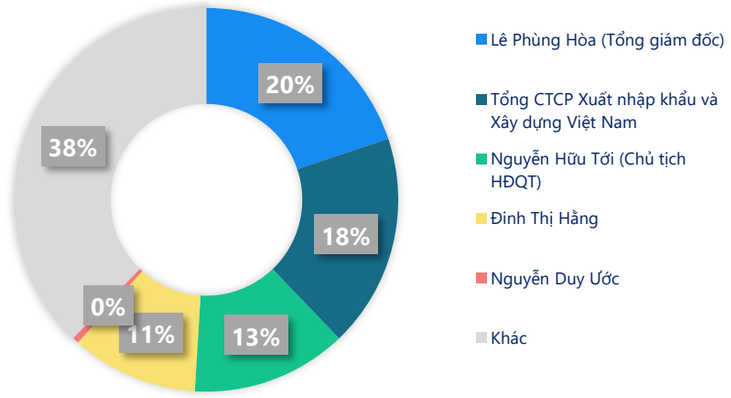

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu sở hữu



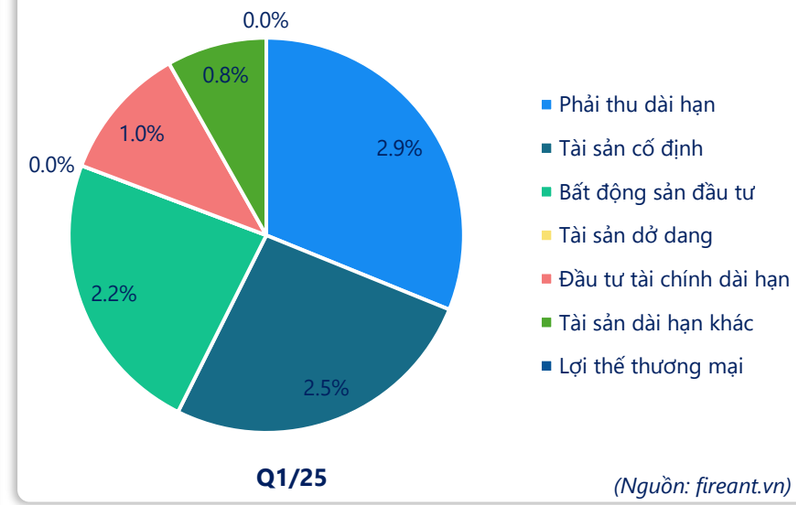

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

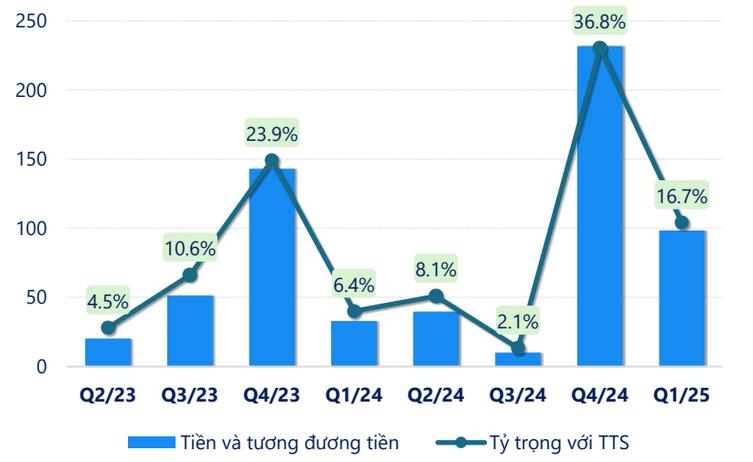



*(Nguồn: fireant.vn)*

Powered by Infographic

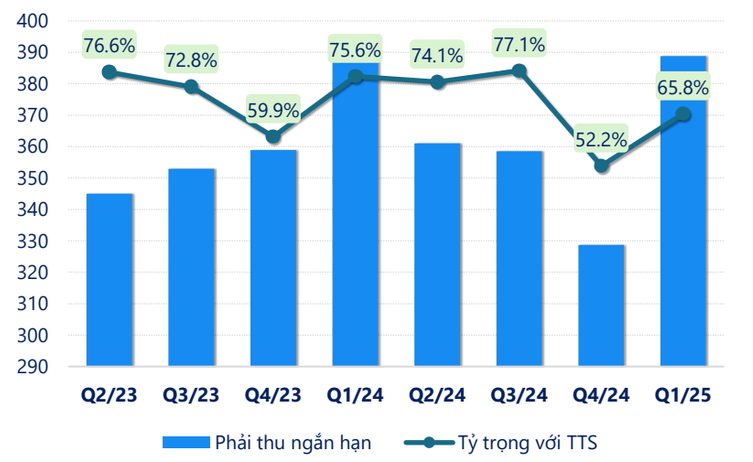
# CTCP Xây dựng số 12 (HNX: V12)

## Tiền và tương đương tiền




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Phải thu ngắn hạn



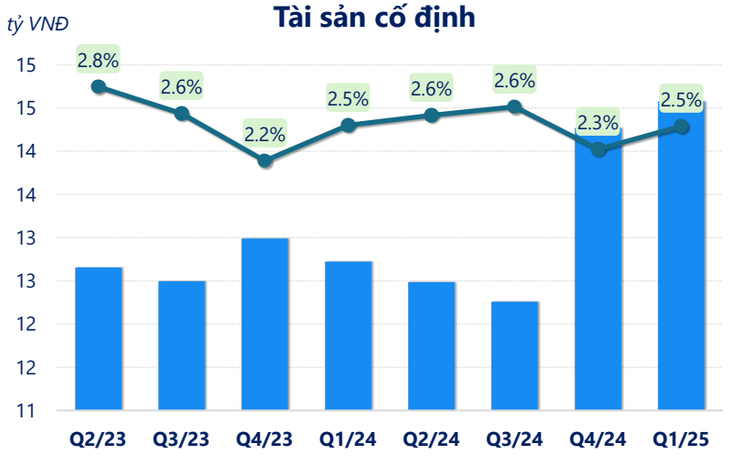

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Hàng tồn kho



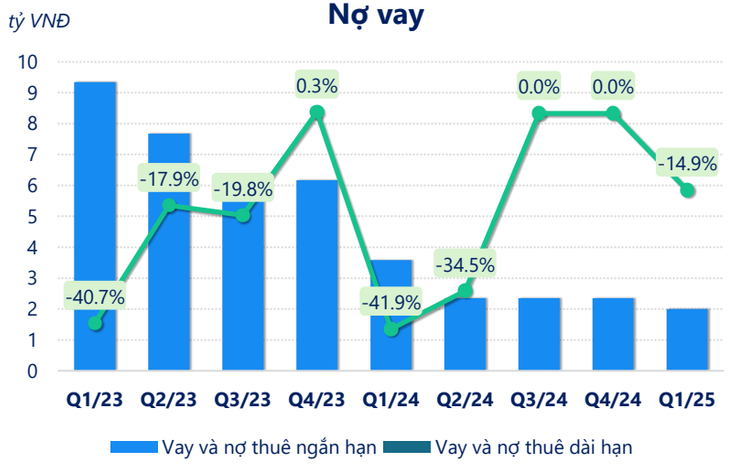

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tài sản cố định



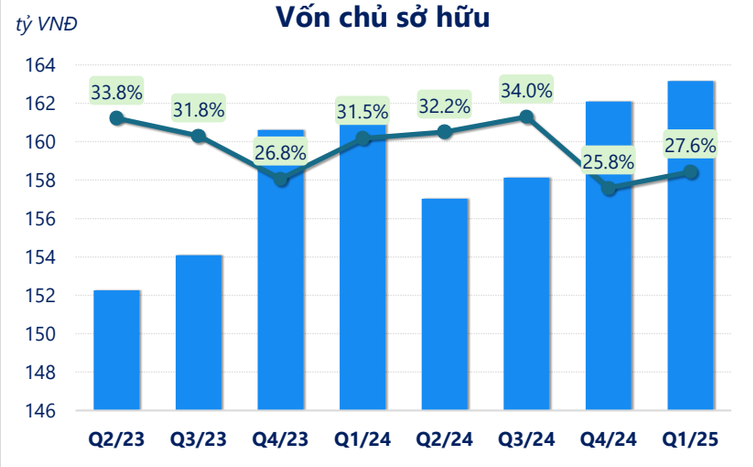

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Nợ vay




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vốn chủ sở hữu



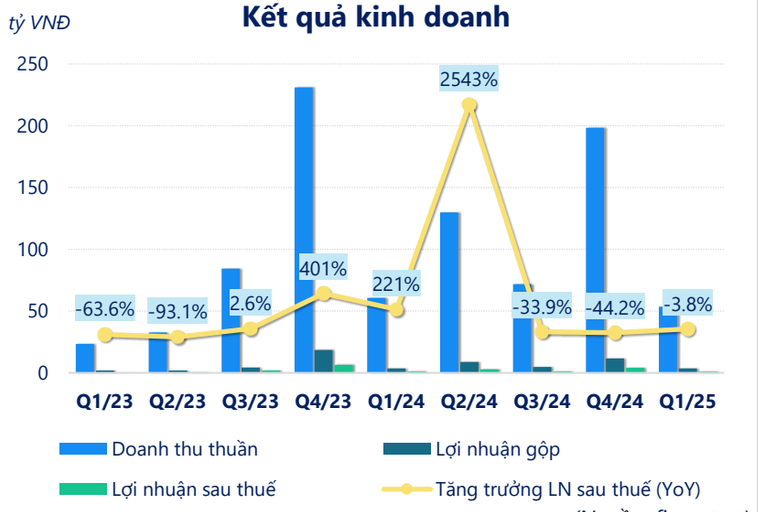

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

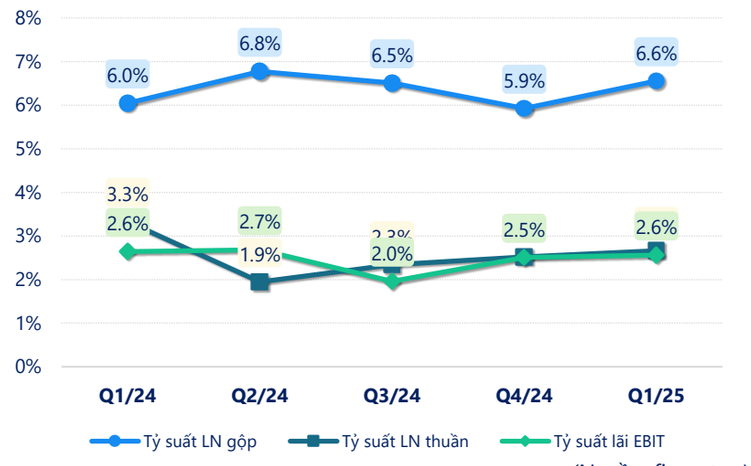
# CTCP Xây dựng số 12 (HNX: V12)

## Kết quả kinh doanh



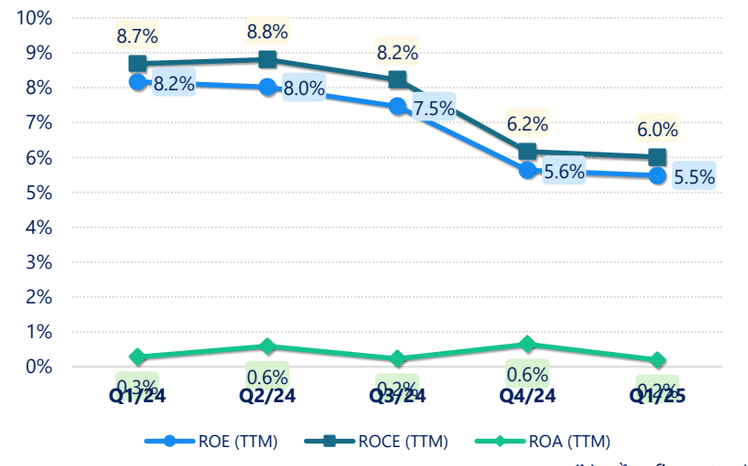

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất lợi nhuận



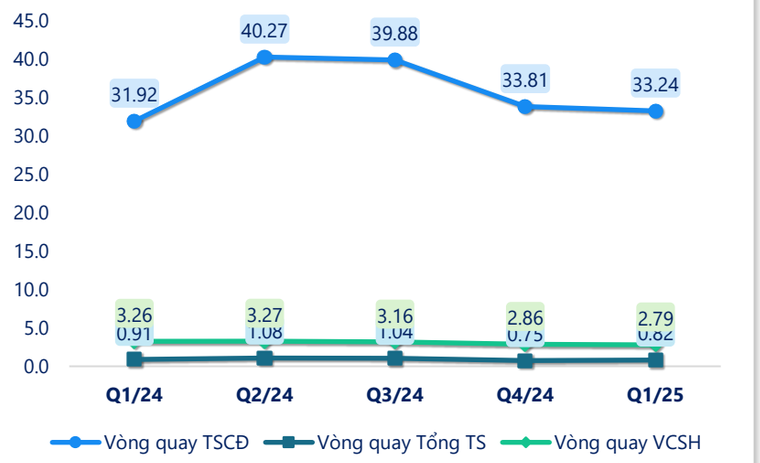

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi



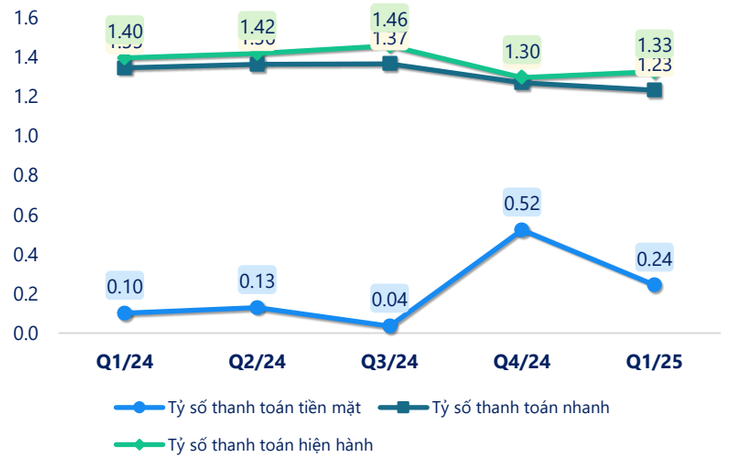

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản



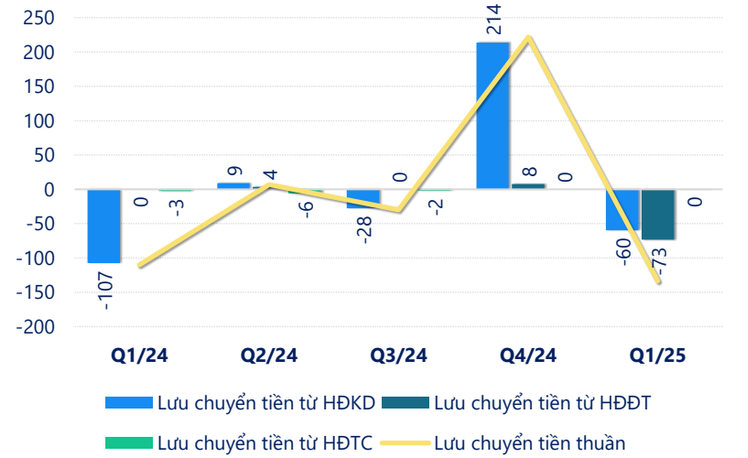

*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Lưu chuyển tiền




*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

FireAnt

# CTCP Xây dựng số 12 (HNX: V12)

| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)* | Tại ngày 31/3/2025 | Tại ngày 31/12/2024 | Thay đổi |
|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **591** | **629** | **-6.1%** |
| **Tài sản ngắn hạn** | 535 | 574 | -6.8% |
| Tiền và tương đương tiền | 98.3 | 232 | -57.6% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 1.22 | 1.22 | 0.0% |
| Phải thu ngắn hạn | 389 | 329 | 18.3% |
| Hàng tồn kho | 37.8 | 11.4 | 230% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 8.87 | 1.05 | 746% |
| **Tài sản dài hạn** | **55.6** | **55.0** | **1.1%** |
| Phải thu dài hạn | 17.3 | 17.3 | 0.3% |
| Tài sản cố định | 14.6 | 14.3 | 2.2% |
| Bất động sản đầu tư | 13.0 | 13.1 | -1.2% |
| Tài sản dở dang | 0 | 0 | |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 6.15 | 6.15 | 0.0% |
| Tài sản dài hạn khác | **4.55** | **4.14** | **10.1%** |
| Lợi thế thương mại | 0 | 0 | |
| **Nợ phải trả** | 427 | 467 | -8.5% |
| **Nợ ngắn hạn** | **404** | **443** | **-8.9%** |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn | 2.00 | 2.35 | -14.9% |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 69.8 | 93.9 | -25.7% |
| **Nợ dài hạn** | 23.9 | 24.1 | -1.0% |
| Vay và nợ thuê dài hạn | 0 | 0 | |
| **Nguồn vốn chủ sở hữu** | **163** | **162** | **0.7%** |
| **Vốn chủ sở hữu** | **163** | **162** | **0.7%** |
| Vốn điều lệ | 116 | 116 | 0.0% |
| **Kinh phí và quỹ khác** | **0** | **0** | |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)* | Q1/24 | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | 60.8 | 130 | 71.9 | 198 | 53.6 |
| Giá vốn hàng bán | 57.1 | 121 | 67.2 | 187 | 50.1 |
| **Lợi nhuận gộp** | 3.67 | 8.80 | 4.68 | 11.8 | 3.52 |
| Doanh thu HĐTC | 0.75 | 0.33 | 0.04 | 0.16 | 0.33 |
| Chi phí TC | 0.04 | 2.74 | 0.00 | 0.00 | 0 |
| **Chi phí lãi vay** | 0.04 | 0.02 | 0.00 | 0.00 | 0 |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí QLDN | 2.37 | 3.87 | 3.03 | 6.91 | 2.41 |
| **LN thuần từ HĐKD** | 2.02 | 2.53 | 1.68 | 4.99 | 1.43 |
| Lợi nhuận khác | -0.45 | 0.94 | -0.28 | -0.02 | -0.06 |
| **LN trước thuế** | 1.57 | 3.47 | 1.40 | 4.97 | 1.37 |
| **Lợi nhuận sau thuế** | 1.27 | 2.76 | 1.10 | 3.97 | 1.09 |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | 1.27 | 2.76 | 1.10 | 3.97 | 1.09 |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)* | Q1/24 | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD | -107 | 9.11 | -27.6 | 214 | -59.7 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT | -0.08 | 3.63 | 0.04 | 7.91 | -73.3 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC | -2.59 | -6.08 | -2.13 | 0.00 | -0.35 |
| Tiền đầu kỳ | 143 | 33.0 | 39.6 | 9.98 | 232 |
| **Lưu chuyển tiền thuần** | **-110** | **6.66** | **-29.7** | **222** | **-133** |
| Ảnh hưởng tỷ giá | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tiền cuối kỳ | 33.0 | 39.6 | 9.98 | 232 | 98.3 |

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic